TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN X** **TỈNH Y**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**
Số: 72/2019/QĐST-DS	*X, ngày 25 tháng 12 năm 2019.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 17 tháng 12 năm 2019, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 97/2019/TLST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2019 về việc *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"*.

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Anh Nguyễn Đ K, sinh năm 1975.
Địa chỉ: Thôn 1, xã Đăk Mar, huyện X, tỉnh Y.

- ***Bị đơn***: Chị Nguyễn T H, sinh năm 1980
Địa chỉ: Thôn 1, xã Đăk Mar, huyện X, tỉnh Y.

2/ Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Chị Nguyễn T H phải trả cho anh Nguyễn Đ K số tiền nợ là **110.000.000** đ (*một trăm mười triệu đồng*).

Căn cứ Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 3 Điều 144; khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 3; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn T H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là **2.750.000** đồng (*Hai triệu, bảy trăm năm mươi ngàn đồng*).

Anh Nguyễn Đ K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho anh K số tiền là **2.750.000** đồng (*Hai triệu, bảy trăm năm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số: AA/2010/0000684 ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Y.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa cấp cao Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Y;
- VKSND huyện X;
- Chi cục THADS huyện X;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Nga